

Bản án số: 105/2026/HS-ST

Ngày: 26-8-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mai Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Minh Phương.
2. Ông Phạm Thành Quyết.

- Thư ký phiên tòa: bà Hồ Thị Hoàng Sa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Doãn Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1042/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1008/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Văn Đ, sinh ngày 09/12/2002 tại xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn Hương Yên, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; số căn cước công dân: 049202002196 cấp ngày 01/9/2021; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1979; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ ngày 20/7/2025, chHển tạm giam ngày 29/7/2025. *Có mặt.*

2. Trần Hữu T, sinh ngày 08/7/2002 tại xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn Mông Nghệ, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kỹ sư; số căn cước công dân: 049202013197 cấp ngày 15/8/2021; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu V, sinh năm 1968 và bà Hoàng Thị V1, sinh năm 1968; bị cáo chưa

có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ ngày 20/7/2025, cHèn tạm giam ngày 29/7/2025. *Có mặt.*

3. Lê Thị Đ, sinh ngày 10/7/2007 tại xã Nam Trà My, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn 3, xã Nam Trà My, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động tự do; số căn cước công dân: 049307001363 cấp ngày 05/10/2022; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Cadong; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá T, sinh năm 1968 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1969; bị cáo chưa có chồng con; tiền án: không; tiền sự: ngày 31/5/2026, bị công an phường Tân Thạnh xử phạt 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPHC, chấp hành xong ngày 05/6/2026. Bị bắt tạm giữ ngày 20/7/2025, cHèn tạm giam ngày 29/7/2025. *Có mặt.*

4. Phạm Q, sinh ngày 30/6/2000 tại xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn Phương Nghệ, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lái xe; số căn cước công dân: 049200015242 cấp ngày 28/9/2021; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm L, sinh năm 1976 và bà Đặng Thị Q, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ ngày 20/7/2025, cHèn tạm giam ngày 29/7/2025. *Có mặt.*

- *Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Huỳnh T H, sinh năm 2002. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: thôn Hương Yên, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng.

+ Anh Mai H Tr, sinh năm 2007. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Phú Bình, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng.

+ Anh Trần T Th, sinh năm 1992. *Có mặt.*

Địa chỉ: số 03, Nguyễn Thiện Thuật, xã Thăng Bình, thành phố Đà Nẵng.

+ Chị Phan Thị Thu V, sinh năm 2004. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Tú Trà, xã Thăng Phú, thành phố Đà Nẵng.

+ Chị Phạm Thị T, sinh năm 2006. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Xuân Phú, xã Chiên Đàn, thành phố Đà Nẵng.

+ Anh Đồng Phước B, sinh năm 2002. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Trà Đình, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng.

+ Chị Đặng Lê Uyên Nh, sinh năm 2007. *Vắng mặt*

Địa chỉ: K166/35, đường Hùng Vương, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Vũ Thị L, sinh năm 1977. *Vắng mặt*

Địa chỉ: tổ dân phố Láng Cáp, phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng.

+ Anh Đoàn Quốc C, sinh năm 1989. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Thi Thại, xã Duy Nghĩa, thành phố Đà Nẵng.

+ Ông Nguyễn Tr1 T, sinh năm 1993. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Hương Quế Nam, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng.

+ Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1990. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn 3, xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng.

+ Anh Trần Hữu Tr, sinh năm 1995. *Có mặt.*

+ Ông Trần Hữu V, sinh năm 1968. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: thôn Mông Nghệ, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 14 giờ 30 phút ngày 20/7/2025, bị cáo Đ sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 11 ProMax, màu vàng gắn sim số 0344635324 nhắn tin qua Messenger đến điện thoại di động hiệu Iphone XS Max gắn sim số 0968638057 rủ bị cáo T đi hát karaoke và sử dụng ma túy. Bị cáo T đồng ý. Bị cáo Đ nói với bị cáo T mua 02 viên ma túy và nửa hộp 5 ma túy Ketamine, mang đến quán karaoke RICH KID tại thôn Hương An, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng. Sau đó, bị cáo Đ rủ thêm bị cáo Q và anh H đi hát karaoke và sử dụng ma túy. Bị cáo Q và anh H đồng ý. Bị cáo T sử dụng điện thoại di động gọi cho một người nam thanh niên tên Đoàn (chưa rõ lai lịch, biết được qua ứng dụng Telegram) đặt mua 02 viên ma túy và nửa hộp 5 ma túy Ketamine. Đoàn báo giá 1.900.000 đồng và nói cHên tiền vào tài khoản số 19040069788011. Bị cáo T đồng ý mua và nói để trả tiền sau. Đoàn hẹn bị cáo T đến khu vực chợ Heo thuộc xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng. Bị cáo T đi xe mô tô biển số 92G1-096.83 đến điểm hẹn, được Đoàn hướng dẫn đến một gốc cây trên tuyến đường bê tông đi từ Quốc lộ 1A cũ vào thôn Dưỡng Mông (gần chợ Heo), xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng để lấy 01 bao ni lông chứa 02 viên ma túy và 01 bao ni lông chứa ma túy Ketamine.

Sau khi nhận được ma túy, bị cáo T mang đến quán Karaoke RICH KID và nhận phòng VIP 4. Khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo Đ và anh H đi xe ôm (không rõ lai lịch) đến quán karaoke RICH KID và vào phòng VIP 4. Tại phòng VIP 4 quán karaoke RICH KID, bị cáo T lấy trong túi quần ra 02 viên ma túy (thuốc lắc) và bẻ thành nhiều mảnh nhỏ rồi để trên mặt bàn thứ hai (theo hướng từ ngoài vào) của phòng VIP 4 để mọi người sử dụng. Bị cáo T nhờ Mai H Tr gọi giúp nhân viên

nữ để phục vụ hát karaoke. Tr1 ra quầy nhờ chị H gọi nhân viên nữ vào phòng VIP 4 để phục vụ hát karaoke. Chị H liên lạc qua messenger cho anh Th nhờ gọi giúp 02 nhân viên nữ đến quán RICH KID để phục vụ khách hát karaoke. Th đã gọi bị cáo Đ1 và chị V đến quán RICH KID để phục vụ khách hát karaoke. Khoảng 30 phút sau, bị cáo Đ1 và chị T1 vào phòng VIP 4 để phục vụ hát karaoke. Bị cáo T đưa bật lửa và nói bị cáo Đ1 đốt lửa làm nóng đĩa sứ. Lúc này, bị cáo Đ1 mới biết khách trong phòng VIP 4 sử dụng ma túy. Bị cáo Đ1 cầm đĩa sứ đi vào phòng vệ sinh, dùng giấy đốt hơi nóng đĩa sứ rồi cầm ra để trên bàn. Bị cáo T nhắn tin qua messenger cho Mai H Tr và hỏi mượn thẻ nhựa, Tr1 trả lời “không có”. Sau đó, bị cáo T nói bị cáo Đ1 đi ra ngoài mượn thẻ nhựa để xào ma túy Ketamine. Bị cáo Đ1 ra gặp Tr1 hỏi mượn thẻ nhựa. Lúc này, Tr1 nhớ dưới nền gạch men trong phòng bếp có một thẻ nhựa như thẻ ATM nên Tr1 chạy xuống bếp lấy và đưa cho bị cáo Đ1. Bị cáo Đ1 cầm thẻ nhựa vào phòng đưa cho bị cáo T. Bị cáo T lấy gói ma túy Ketamine trong túi quần ra đổ vào đĩa sứ rồi dùng thẻ nhựa xào, kẻ ma túy Ketamine ra thành nhiều đường. Bị cáo Đ lấy tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng quần thành ống hút, dùng vỏ điều thuốc cố định hai đầu (ống hút dùng để hít ma túy Ketamine). Bị cáo Đ dùng điện thoại của mình, kết nối với loa và mở nhạc phục vụ việc sử dụng ma túy. Bị cáo T sử dụng một phần viên ma túy (thuốc lắc) cho vào miệng nuốt và sử dụng ống hút được quấn bằng tờ tiền 10.000 đồng hít Ketamine vào mũi, rồi đưa một phần viên ma túy (thuốc lắc) và đĩa chứa Ketamine cho bị cáo Đ1. Bị cáo Đ1 sử dụng bằng cách cho vào miệng nuốt và sử dụng ống hút bằng tờ tiền 10.000 đồng hít vào mũi. Bị cáo Đ sử dụng một phần viên ma túy (thuốc lắc) bằng cách nuốt và sử dụng ống hút được quấn bằng tờ tiền 10.000 đồng hít Ketamine, rồi đưa đĩa Ketamine cho T1 sử dụng. T1 sử dụng ống hút bằng tờ tiền 10.000 đồng hít ma túy vào mũi. H tự lấy một phần ma túy (thuốc lắc) trên bàn sử dụng bằng cách cho vào miệng nuốt và lấy đĩa Ketamine sử dụng bằng cách sử dụng ống hút bằng tờ tiền 10.000 đồng hít vào mũi. Khoảng 10 phút sau, V vào phòng và ngồi bên cạnh H. V tự lấy đĩa chứa ma túy Ketamine sử dụng bằng cách sử dụng ống hút bằng tờ tiền 10.000 đồng hít vào mũi. Trong lúc sử dụng ma túy, bị cáo Đ có nói với bị cáo T là đã rủ bị cáo Q nhưng không thấy bị cáo Q đến. Bị cáo T sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone XS Max gắn sim số 0968638057 nhắn tin qua messenger đến điện thoại Iphone 15 Pro, gắn sim số 0869959585 của bị cáo Q rủ đến sử dụng ma túy. Lúc này, bị cáo Q đang ở đám cưới cùng với Đồng Phước B. Bị cáo Q rủ Bảo đi theo sử dụng ma túy. Bảo có việc nên từ chối không đi. Một lúc sau, bị cáo Q tiếp tục rủ Bảo đi sử dụng ma túy thì Bảo đồng ý. Bị cáo Q đi xe mô tô biển số 92G1- 386.08 chở Bảo đến quán RICH KID và vào phòng

VIP 4. Tại đây, bị cáo T đưa phần ma túy (thuốc lắc) và đĩa Ketamine cho bị cáo Q sử dụng. Bị cáo Q sử dụng bằng cách cho vào miệng nuốt và sử dụng ống hút bằng tờ tiền 10.000 đồng hít vào mũi. Tiếp đến, bị cáo T đưa đĩa Ketamine cho Bảo sử dụng, Bảo sử dụng ống hút bằng tờ tiền 10.000 đồng hít vào mũi. Cả nhóm ngồi chơi nghe nhạc, sử dụng ma túy đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì Tổ công tác Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng và Công an xã Xuân Phú tiến hành kiểm tra, phát hiện, bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ tang vật.

Tại Kết luận giám định số 584/KL-KTHS ngày 28/7/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: chất bột màu trắng trên đĩa sứ và chất bột màu trắng bám dính trên 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000VNĐ, 01 thẻ nhựa màu vàng - bạc trong bì niêm phong ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại Ketamine; khối lượng mẫu A: 0,180 gam; chất bột màu trắng bám dính trong 01 bao nilông kích thước (4x7) cm trong bì niêm phong ký hiệu B gửi giám định là ma túy, loại Ketamine; không xác định được khối lượng mẫu; trong mẫu nước tiểu ghi thu của Huỳnh Văn Đ ký hiệu Đ1, Trần Hữu T ký hiệu T1, Phạm Q ký hiệu Q, Huỳnh T H ký hiệu H, Lê Thị Đ ký hiệu Đ2, Phan Thị Thu V ký hiệu V gửi giám định đều tìm thấy chất ma túy: loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine; trong mẫu nước tiểu ghi thu của Đồng Phước B ký hiệu B1, Phạm Thị T ký hiệu T2 gửi giám định đều tìm thấy chất Norketamine là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 (một) đĩa sứ màu trắng bên trên có chứa chất bột màu trắng, 01 (một) ống hút được quấn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng có bám dính bột màu trắng, 01 (một) thẻ nhựa màu vàng - bạc có bám dính bột màu trắng tại mặt bàn thứ hai (theo hướng từ ngoài vào (được niêm phong ký hiệu: A); 01 (một) bao nilông kích thước 4x7cm, bên trong có bám dính chất bột màu trắng tại mặt nền phía dưới bàn thứ hai (được niêm phong ký hiệu: B); 01 (một) bao nilông kích thước 4x7cm, bên trong không chứa gì tại mặt nền phía dưới bàn thứ hai; 01 (một) bật lửa tại mặt bàn thứ hai; Mẫu nước tiểu thu giữ của Huỳnh Văn Đ thu giữ vào 01 (một) chai nhựa (được niêm phong) ký hiệu mẫu Đ1; Mẫu nước tiểu thu giữ của Trần Hữu T thu giữ vào 01 (một) chai nhựa (được niêm phong) ký hiệu mẫu T1; Mẫu nước tiểu thu giữ của Lê Thị Đ thu giữ vào 01 (một) chai nhựa (được niêm phong) ký hiệu mẫu Đ2; Mẫu nước tiểu thu giữ của Phạm Q thu giữ vào 01 (một) chai nhựa (được niêm phong) ký hiệu mẫu Q; Mẫu nước tiểu thu giữ của Huỳnh T H thu giữ vào 01 (một) chai nhựa (được niêm phong) ký hiệu mẫu H; Mẫu nước tiểu thu giữ của Phan Thị Thu V thu giữ vào 01 (một) chai nhựa (được niêm phong) ký hiệu mẫu V; Mẫu nước tiểu thu giữ của Phạm Thị T thu giữ

vào 01 (một) chai nhựa (được niêm phong) ký hiệu mẫu T2; Mẫu nước tiểu thu giữ của Đồng Phước B thu giữ vào 01 (một) chai nhựa (được niêm phong) ký hiệu mẫu B1; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro, màu vàng, số IMEI: 351418620297829, gắn sim số 0869959585 của Phạm Q; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng, số IMEI: 353836102799251, gắn sim số 0967485584 của Lê Thị Đ; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI: 353100100765859, gắn sim số 0968638057 của Trần Hữu T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu trắng, số IMEI: 352117353313873, gắn sim số 0395538750 của Phạm Thị T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu trắng, số IMEI: 357938437829724, gắn sim số 0796755743 của Phan Thị Thu V; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu trắng, số IMEI: 356323458108970, gắn sim số 0344510597 của Đồng Phước B; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng, số IMEI: 352855110426153, gắn sim số 0344635324 của Huỳnh Văn Đ; 01 (một) xe mô tô Exciter màu xanh, gắn BKS: 92G1-096.83 của Trần Hữu T; 01 (một) xe mô tô Vario màu đỏ, gắn BKS: 92G1 – 38608 của Phạm Q.

Tại Cáo trạng số 53/CT-VKSDNG-KV ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Hữu T; Lê Thị Đ cùng phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Q phạm tội “*Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 258 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo tại Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Hữu T; Lê Thị Đ cùng phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; bị cáo Phạm Q phạm tội “*Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Trần Hữu T mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Lê Thị Đ mức án tù 07 năm đến 07 năm 06 tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 258; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Phạm Q mức án tù 02 năm đến 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 255, khoản 5 Điều 258 Bộ luật Hình sự, hành vi của các bị cáo có thể áp dụng hình phạt tiền bổ sung nhưng xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không đề nghị áp dụng.

Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền 950.000 đồng từ bị cáo Huỳnh Văn Đ và số tiền 950.000 đồng từ bị cáo Trần Hữu T.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa màu vàng – bạc và toàn bộ vỏ bao gói được niêm phong trong 01 hộp giấy dán kín, ký hiệu A có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng; 01 bao ni lông kích thước (4x7)cm và toàn bộ vỏ bao gói được niêm phong trong 01 bì giấy dán kín, ký hiệu B có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng; 01 bao ni lông kích thước 4x7cm; 01 bật lửa; sim số 0344635324; sim số 0869959585; sim số 0968638057.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng, số IMEI: 352855110426153, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng, (kiểm tra thực tế: điện thoại đã bị reset, không kiểm tra được nhãn hiệu, số IMEI, số sim) của bị cáo Huỳnh Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro, màu vàng, số IMEI: 351418620297829, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng của bị cáo Phạm Q; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI: 353100100765859, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng (kiểm tra thực tế: bề mặt kính sau) của bị cáo Trần Hữu T.

- Trả cho bị cáo Phạm Q 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vario màu đỏ, biển số 92G1-386.08, không kiểm tra chất lượng; trả cho bị cáo Lê Thị Đ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng, số IMEI: 353836102799251, gắn sim số

0967485584, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng, (kiểm tra thực tế: bề mặt kính trước); trả cho chị Phạm Thị T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu trắng, số IMEI: 352117353313873, gắn sim số 0395538750, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng; trả cho chị Phan Thị Thu V 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu trắng, số IMEI: 357938437829724 gắn sim số 0796755743, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng, (kiểm tra thực tế: điện thoại đã bị khóa, không kiểm tra được nhãn hiệu, số IMEI, số sim); trả cho anh Đồng Phước B 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu trắng, số IMEI 356323458108970, gắn sim số 0344510597, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Lê Uyên Nh và anh Đoàn Quốc C có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Huỳnh T H, anh Mai H Tr, chị Phan Thị Thu V, chị Phạm Thị T, anh Đồng Phước B, bà Vũ Thị L, ông Nguyễn Trl T, chị Nguyễn Thị Kim H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292 và 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với lời khai của người tham gia tố tụng khác, với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 20 tháng 7 năm 2025, tại phòng VIP 4, quán karaoke RICH KID thuộc thôn Hương An, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng, hai bị cáo Huỳnh Văn Đ và Trần Hữu T thống nhất với nhau mua 1.900.000 đồng tiền ma túy loại Ketamine và MDMA để sử dụng cùng bị cáo Lê Thị Đ, bị cáo Phạm Q, Đồng Phước B, Huỳnh T H, Phạm Thị T và Phan Thị Thu V. Trong quá trình sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo Đ dùng tờ tiền 10.000 đồng quần ống hút, sử dụng điện thoại để kết nối loa, mở nhạc và đưa ma túy cho T1 sử dụng. Bị cáo T đưa bật lửa cho bị cáo Đ1 hơi nóng đĩa sứ, xào ma túy ketamine, bẻ ma túy thuốc lắc thành những mảnh nhỏ, lấy ma túy thuốc lắc và ketamine đưa cho hai bị cáo Đ1, Q và anh Bảo sử dụng. Bị cáo Đ1 sử dụng bật lửa đốt giấy hơi nóng khô đĩa sứ, lấy thẻ nhựa để bị cáo T xào ketamine cho cả nhóm sử dụng. Sau khi được bị cáo Đ rủ sử dụng trái phép chất ma túy thì bị cáo Q đã rủ Bảo cùng đi hát karaoke và sử dụng ma túy.

Như vậy, hành vi trên của các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Hữu T; Lê Thị Đ đã phạm vào tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Q đã phạm vào tội “*Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 258 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 53/CT-VKSDNG-KV ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành Q công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của chất ma túy, sự nguy hiểm của hành vi tổ chức sử dụng, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách quản lý độc Q của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn là nguy cơ tiềm ẩn các hành vi vi phạm pháp luật khác. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính Q địa phương. Bị cáo Đ có ông nội tên Huỳnh Giỏi là liệt sĩ, được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng ba, bà nội là Trần Thị Xí được tặng Bằng khen, bị cáo đang chung sống với bà nội bị tai biến. Bị cáo T có bà nội tên Trần Thị Ba và ông ngoại tên Hoàng Trợ là liệt sĩ, bà ngoại tên Trần Thị Quyên là người có công cách mạng. Bị cáo Q có bà nội tên Lê Thị Nhung là thương binh, bản thân bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Bị cáo Đ1 là người dân tộc thiểu số, dân tộc Cadong. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt.

[6]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 và khoản 5 Điều 258 Bộ luật Hình sự, hành vi của các bị cáo có thể áp dụng hình phạt tiền bổ sung nhưng xét thấy các bị cáo có thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính Q địa phương nên không áp dụng.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền 950.000 đồng từ bị cáo Huỳnh Văn Đ và số tiền 950.000 đồng từ bị cáo Trần Hữu T.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa màu vàng – bạc và toàn bộ vỏ bao gói được niêm phong trong 01 hộp giấy dán kín, ký hiệu A có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng; 01 bao ni lông kích thước (4x7)cm và toàn bộ vỏ bao gói được niêm phong trong 01 bì giấy dán kín, ký hiệu B có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng; 01 bao ni lông kích thước 4x7cm; 01 bật lửa; sim số 0344635324; sim số 0869959585; sim số 0968638057.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng, số IMEI: 352855110426153, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng, (kiểm tra thực

tế: điện thoại đã bị reset, không kiểm tra được nhãn hiệu, số IMEI, số sim) của bị cáo Huỳnh Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro, màu vàng, số IMEI: 351418620297829, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng của bị cáo Phạm Q; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI: 353100100765859, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng (kiểm tra thực tế: bề mặt kính sau) của bị cáo Trần Hữu T.

- Trả cho bị cáo Phạm Q 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vario màu đỏ, biển số 92G1-386.08, không kiểm tra chất lượng; trả cho chị Phạm Thị T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu trắng, số IMEI: 352117353313873, gắn sim số 0395538750, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng; trả cho chị Phan Thị Thu V 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu trắng, số IMEI: 357938437829724 gắn sim số 0796755743, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng, (kiểm tra thực tế: điện thoại đã bị khóa, không kiểm tra được nhãn hiệu, số IMEI, số sim); trả cho anh Đồng Phước B 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu trắng, số IMEI 356323458108970, gắn sim số 0344510597, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng.

- Tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng, số IMEI: 353836102799251, gắn sim số 0967485584, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng, (kiểm tra thực tế: bề mặt kính trước) của bị cáo Lê Thị Đ để đảm bảo thi hành án.

[8]. Những vấn đề khác trong vụ án:

Quá trình điều tra, bị cáo T còn khai nhận, ngoài lần mua ma túy của người đàn ông tên “Đoàn” như trên, bị cáo còn liên hệ với người đàn ông tên “Đoàn” qua số điện thoại 0934919525 để mua 02 lần ma túy và cHển tiền vào tài khoản số 19040069788011 với tổng số tiền 3.500.000 đồng, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: bị cáo khai không xác định thời gian, mua 01 gói ma túy Ketamine với giá 1.300.000 đồng. Bị cáo T sử dụng số điện thoại 0968638057 liên hệ qua số điện thoại 0934919525 của người đàn ông tên “Đoàn” và được “Đoàn” cho số tài khoản ngân hàng số 19040069788011 và hẹn đến xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng để nhận ma túy. Sau đó, bị cáo T đến khu vực gốc cây trên tuyến đường bê tông đi từ Quốc lộ 1A cũ vào thôn Dưỡng Mông, Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng (gần chợ Heo Bà Rén) lấy gói ma túy “Đoàn” để ở khu vực gốc cây trên. Sau khi lấy được gói ma túy, bị cáo đã trả tiền cHển khoản 1.300.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 19040069788011 trả tiền cho “Đoàn”. Bị cáo T đã sử dụng hết số ma túy trên.

+ Lần thứ hai: Bị cáo khai không xác định thời gian, mua 01 gói ma túy Ketamine của người đàn ông tên “Đoàn” với giá 2.200.000 đồng. Bị cáo sử dụng số điện thoại 0968638057 liên hệ qua số điện thoại 0934919525 của “Đoàn” để hỏi mua ma túy thì “Đoàn” hẹn T đến xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng để nhận ma túy. Sau đó, bị cáo T đến khu vực gốc cây trên tuyến đường bê tông đi từ Quốc lộ 1A cũ vào thôn Dưỡng Mông, Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng (gần chợ Heo Bà Rén) lấy gói ma túy “Đoàn” để ở khu vực gốc cây trên. Sau khi lấy được gói ma túy, bị cáo T trả tiền cHể khoản 2.200.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 19040069788011 trả tiền cho “Đoàn”. Sau khi mua được gói ma túy T đã sử dụng hết.

Làm việc với Cơ quan điều tra, Đoàn Quốc C, Đặng Lê Uyên Nh không thừa nhận việc bán ma túy cho bị cáo T; Đặng Lê Uyên Nh khai nhận sử dụng tài khoản ngân hàng nêu trên để phục vụ hoạt động buôn bán quán nhậu, thường xuyên phát sinh nhiều giao dịch cHể khoản từ khách hàng nên không nhớ và không xác định được tổng khoản tiền 3.500.000 đồng do bị cáo T cHể đến nhằm mục đích gì. Đoàn Quốc C khai không biết số tiền T cHể đến tài khoản Nhi là tiền gì. Bị cáo T khai việc mua bán ma túy được thực hiện gián tiếp, giữa T và người tên “Đoàn”, không gặp mặt trực tiếp, ma túy được đặt tại khu vực gốc cây trên tuyến đường bê tông đi từ Quốc lộ 1A cũ vào thôn Dưỡng Mông, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng. Do đó, hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của người đàn ông tên “Đoàn” được tách ra để tiếp tục xác minh xử lý sau.

- Đối với số ma túy Ketamine có khối lượng 0,180 gam còn lại: do số ma túy còn lại này các bị cáo đã lấy ra để trong đĩa sứ trên bàn đang sử dụng cho việc “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng chưa kịp sử dụng hết thì bị Công an phát hiện. Do vậy, không xử lý thêm các bị cáo Đ, T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Đối với hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” của các bị cáo Đ, T, Đ1 đã nằm trong chuỗi hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nên không xử lý hành chính các bị cáo Đ, T, Đ1 về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Đối với hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” của bị cáo Phạm Q đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 404/QĐ-XPHC ngày 15/12/2025.

- Đối với Mai H Tr: Tr1 là người dẫn các bị cáo T, Đ, H, Q, Bảo vào phòng VIP 4. Tr1 là người đưa cho bị cáo Đ1 mượn thẻ nhựa để bị cáo T dùng xào ma túy Ketamine. Tuy nhiên, bị cáo Đ1 không nói Tr1 biết mượn để làm gì và Tr1 không

biết trong phòng VIP 4 có tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, không đề cập xử lý đối với Tr1.

- Đối với Nguyễn Thị Kim H và Trần T Th: quá trình điều tra xác định, H, Th chỉ gọi nhân viên nữ vào phòng để phục vụ hát karaoke theo nhu cầu của khách, không phải gọi nhân viên nữ phục vụ việc sử dụng ma túy. H, Th cũng không biết việc tại phòng Vip 4 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên H và Th không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, không đề cập xử lý đối với Nguyễn Thị Kim H, Trần T Th.

- Đối với việc Phạm Thị T khai có nhân viên quán có messenger tên "Rin" gọi qua điện thoại của T1, nói T1 vào phòng Vip 4 quán Karaoke phục vụ khách hát. Quá trình điều tra không xác định được người này. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của T1, Tr1, H đều thể hiện việc gọi nhân viên quán đến vào phòng VIP 4 để phục vụ khách hát karaoke, chứ không phải phục vụ việc sử dụng ma túy, nên đủ căn cứ xác định "Rin" không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can nói trên. Do đó, không đề cập xử lý.

- Đối với anh Trần Hữu Tr cho Trần Hữu T mượn xe mô tô biển số 92G1-096.83 để đi lại, việc Trần Hữu T sử dụng xe này vào việc phạm tội anh Trinh không biết nên không đề cập xử lý đối với anh Trinh.

[9]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Về Q kháng cáo: các bị cáo, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan có Q kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Hữu T và Lê Thị Đ phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*"; bị cáo Phạm Q phạm tội "*Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy*".

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ 07 (*Bảy*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (20/7/2025).

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu T 07 (*Bảy*) năm 03 (*Ba*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (20/7/2025).

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Đ 07 (*Bảy*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (20/7/2025).

- Căn cứ khoản 1 Điều 258; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Phạm Q 01 (*Một*) năm 01 (*Một*) tháng 06 (*Sáu*) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (20/7/2025).

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025:

- Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền 950.000 đồng từ bị cáo Huỳnh Văn Đ và số tiền 950.000 đồng từ bị cáo Trần Hữu T.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa màu vàng – bạc và toàn bộ vỏ bao gói được niêm phong trong 01 hộp giấy dán kín, ký hiệu A có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng; 01 bao ni lông kích thước (4x7) cm và toàn bộ vỏ bao gói được niêm phong trong 01 bì giấy dán kín, ký hiệu B có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng; 01 bao ni lông kích thước 4x7cm; 01 bật lửa; sim số 0344635324; sim số 0869959585; sim số 0968638057.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng, số IMEI: 352855110426153, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng, (kiểm tra thực tế: điện thoại đã bị reset, không kiểm tra được nhãn hiệu, số IMEI, số sim) của bị cáo Huỳnh Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro, màu vàng, số IMEI: 351418620297829, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng của bị cáo Phạm Q; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI: 353100100765859, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng (kiểm tra thực tế: bề mặt kính sau) của bị cáo Trần Hữu T.

- Trả cho bị cáo Phạm Q 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vario màu đỏ, biển số 92G1-386.08, không kiểm tra chất lượng; trả cho chị Phạm Thị T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu trắng, số IMEI: 352117353313873, gắn sim số 0395538750, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng; trả cho chị Phan Thị Thu V 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu trắng, số IMEI: 357938437829724 gắn sim số 0796755743, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng, (kiểm tra thực tế: điện thoại đã bị khóa, không kiểm tra được nhãn hiệu, số IMEI, số sim); trả cho anh Đồng Phước B 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu trắng, số IMEI 356323458108970, gắn sim số 0344510597, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng.

- Tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng, số IMEI: 353836102799251, gắn sim số 0967485584, không niêm phong, không kiểm tra chất lượng, (kiểm tra thực tế: bề mặt kính trước) của bị cáo Lê Thị Đ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự khu vực 6 – Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/6/2026).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Về Q kháng cáo: căn cứ vào các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, các bị cáo, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có Q kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26-8-2026). Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có Q kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Tr1 hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 6 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Văn phòng Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CA thành phố Đà Nẵng;
- Bộ phận HSNV CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Loan